



2025

やわたすぽーつまるしえ Yawata Sports Marche

Sẽ tổ chức đại hội thể thao mà Công dân Nhật Bản và Cư dân người nước ngoài cùng tham gia.
Hãy cùng nhau vui vẻ nhé!

Ngày thứ bảy, 15 tháng 11, 2025

Thời gian 9:00~13:00 (dự kiến)

Địa điểm Công viên Kusunoki Kinrin

(Ngay gần trạm xe buýt trường tiểu học Kusunoki)

Cách đăng ký Nếu bạn muốn tham gia Ngày hội thể thao, vui lòng đăng ký trước thông qua mẫu đơn.



Thời gian đăng ký đến thứ Sáu năm, ngày 31 tháng 10

Mẫu đơn

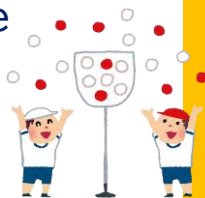


Phí tham gia Ngày hội thể thao: Miễn phí ※Sử dụng Marche có tính phí
★Chi tiết sẽ được đăng trên trang web của Yawata-shi vào khoảng g tháng sau.

Thể thao lễ hội

Thể loại

- ① True or False?
- ② Ball toss game
- ③ Tug-of-war
- ④ Soccer relay



◎ Lễ trao giải



Marche

(Nhà hàng Nepal)

■ Namaste Dhaulagiri

(Ẩm thực Việt Nam cửa hàng)

■ ANNA KITCHEN

(Phong cách phương Tây deli)

■ DELIBACO+

(Bánh kẹo Nhật)

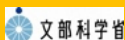
■ Kameya Yoshikuni



Sự tham gia của chỉ Marche cũng được hoan nghênh

Contact us Yawatasi siminkyoudousuisinka (☎075-983-5749)

摂南大学 現代社会学部 フィールド型アクティブラーニング(FAL)プロジェクト

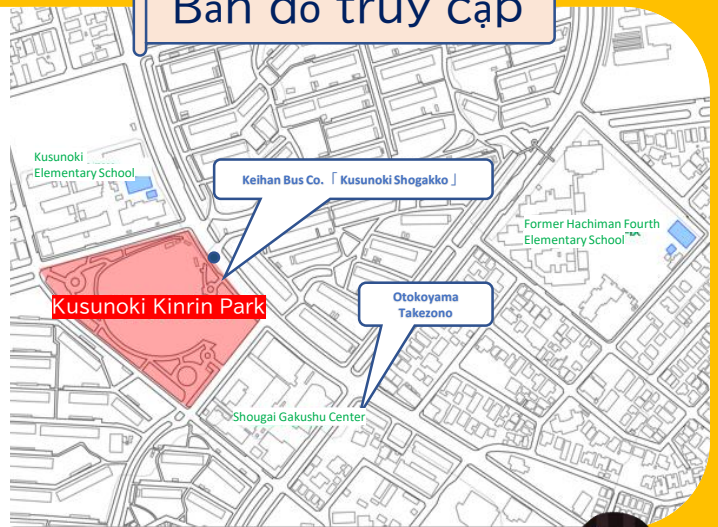


文部科学省 令和7年度 外国人材の受入れ・共生のための地域日本語教育推進事業
「地域日本語教育の総合的な体制づくり推進事業」活用

Đồ mang theo・ trang phục

- Quần áo dễ vận động
- giày thể thao
- đồ uống
- Khăn lau mồ hôi
- Tiền (khi mua thực phẩm bằng tiền mặt)

Bản đồ truy cập



Hãy thử chào hỏi bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.



おはようございます(日本語)、good morning(英語/グッドモーニング)、صباح الخير
(アラビア語/サバーフル ハイル)、Selamat pagi(インドネシア語/セラマト パギ)、
සුභ උදෑසනක්(シンハラ語/スパウデーサナック)、शुभ प्रभात(ネパール語/スパパラバツ)、
Chào buổi sáng(ベトナム語/チャオブウオイサン)、bom dia(ポルトガル語/ボンジーア)

こんにちは(日本語)、Hello (英語/ハロー)、مرحبا(アラビア語/マルハバン)、
Halo(インドネシア語/ハロー)、ආයුබෝවන්(シンハラ語/アーユボーワン)、
नमस्ते(ネパール語/ナマステ)、Xin chào(ベトナム語/シンチャオ)、Olá(ポルトガル語/オラ)

ありがとう(日本語)、thank you (英語/サンキュー)、شكراً لك(アラビア語/シュ克蘭)、
Terima kasih(インドネシア語/テレマカシ)、ස්තූතියි(シンハラ語/ストゥーティ)、
धन्यवाद(ネパール語/ダンネバード)、Cảm ơn(ベトナム語/カムオン)、
obrigado(ポルトガル語/オブリガード(男性))

さようなら(日本語)、Goodbye (英語/グッバイ)、مع السلامة(アラビア語/マアッサラマ)、
Selamat tinggal(インドネシア語/スラマト ティンガル)、ආයුබෝවන්
(シンハラ語/アーユボーワン)、अलविदा(ネパール語/アルビダ)、
Tạm biệt(ベトナム語/タム ビエツ)、Adeus(ポルトガル語/ アデウス)

おいしい(日本語)、delicious (英語/デリシャス)、لذيذ(アラビア語/ ラディーズ)、
lezat(インドネシア語/レザツ)、රසම(シンハラ語/ラサマ)、मिठो छ(ネパール語/ミトチャ)、
Ngon(ベトナム語/ゴン)、delicioso(ポルトガル語/デリシオーゾ)